

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày 03- 8-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Duy Toàn.
2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: **Trần Thị Bích N** - Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1964, tại thành phố H, tỉnh H; Số CMND: 073572914, cấp ngày 14-5-2018, nơi cấp: Công an tỉnh H; Nơi ĐKKHKT: Tổ 04, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh H; Tạm trú: thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn K - Sinh năm: 1937 (đã chết); Con bà: Phùng Ngọc L - Sinh năm: 1943; Chồng: Phan Thành C, sinh năm 1961 (đã ly hôn 2003); Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo N bị bắt tạm giữ từ ngày 31-01-2021 đến ngày 05-02-2021 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 68/2021/HSST-QĐ ngày 06-7- 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: **Nùng Xuân Ch** - Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1976, tại huyện V, tỉnh H ; Số CMND: 073351672, cấp ngày 19-7-2010, nơi cấp: Công an tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Quyết định Đình chỉ sinh hoạt đảng số: 33^b-QĐ/UBKTHU ngày 01-7-2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy V, tỉnh H; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nùng Thìn D, sinh năm 1944 (đã chết); Con bà: Vàng Thị X - Sinh năm: 1948 (đã chết); Vợ: Đinh Thị Hoài T, sinh năm 1983; Con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt

Bị cáo Ch bị bắt tạm giữ từ ngày 31-01-2021 đến ngày 05-02-2021 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 69/2021/HSST-QĐ ngày 06-7- 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vũ Đăng K, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Pắc Luy, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

2. Anh Mương Ngọc D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Phúc Hạ, xã Tùng B, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

3. Anh Phan Trung D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà: 361, Tổ 04, phường N, thành phố H, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Ngọc D, sinh năm 1975. Hôm nay vắng mặt.

2. Anh Lã Việt T, sinh năm 1985. Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30-01-2021 tại thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, bị cáo Nùng Xuân Ch đến quán bán hàng của Trần Thị Bích N đặt vấn đề mua số lô, số đề, N đồng ý. Sau đó Ch đưa tờ lịch đã ghi các số lô, số đề cho N với nội dung: “61, 66, 83, 38/100; 33 = 300; 11 = 300; 16 = 300; Đầu 1 = 2 triệu; kép = 500; đầu 0 = 500; lô 33 = 50đ; 83, 16, 11, 61/10đ; 91=120”, tức là Ch mua các số lô, số đề, cụ thể: số 61, 66, 83, 38 mỗi số giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) = 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); số 33, 11, 16 mỗi số với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) = 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng); đầu 1 = 2 triệu (tức là các số có đầu số là 1, từ 10 đến 19 mỗi số = 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); kép = 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), (tức là các số có hai chữ số giống nhau từ số 00 đến 99 gồm: 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số mua 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng); Đầu 0 = 500 (tức là các số 00 đến 09) mỗi số mua 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng); Các số lô gồm: Lô 33 = 50đ (01 điểm lô tương đương với 23.000đ), như vậy 50 điểm x 23.000đ = 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); số Lô 83, 16, 11, 61/10 điểm (tức là mua các số lô với giá 230.000đ), tổng 04 số x 230.000đ = 920.000đ (Chín trăm hai mươi nghìn đồng); số 91 = 120 (tức mua số đề 91 với giá 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng). Khi Ch đưa tờ lịch đã ghi các số lô, số đề cho N, N soạn tin nhắn các số lô, số đề do Ch đưa rồi gửi tin nhắn SMS cho Trần Thị T, sinh năm 1971, trú tại tổ 4, phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh H để hưởng 10% lợi nhuận. Sau đó N trả tờ lịch lại cho Ch. Tổng số tiền Ch phải trả cho N là 6.490.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), Ch trả trước cho N số tiền 5.510.000đ (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng), còn nợ lại số tiền 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trước đó khoảng 14 giờ ngày 30-01-2021, Mương Ngọc D trong lúc chờ kiểm kê hàng tại Trạm Hải quan khu vực cửa khẩu Thanh Th, D mượn điện thoại, D soạn tin nhắn SMS từ máy điện thoại Iphone 8 số thuê bao 0353939666 của Du và gửi đến cho N theo số điện thoại 0947629257 với nội dung “*chi danh em con lo: 40: 500n, 19: 500n, 33:500n, 00:200n, lx 40,19,33,00:50n*”, tức là D mua của N số lô

40 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); số lô 19 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); số lô 33 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); số lô 00 với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); lx nghĩa là lô xiên 40, 19, 33, 00 với giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) trên mỗi con lô xiên. Tổng D phải trả cho N số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi N nhận được tin nhắn từ người gửi đã lưu trong danh bạ hiện tên là “Du Bql” với nội dung trên thì N đã trả lời nhắn lại là “ok” tức là đồng ý bán số lô, số đề trên. Sau đó D xóa toàn bộ nội dung tin nhắn gửi cho N rồi trả lại điện thoại cho Du. Sau đó N sử dụng điện thoại Iphone 8 lắp sim số 0947629257 sao chép toàn bộ nội dung số lô, số đề của D gửi qua tin nhắn SMS chuyển (bán) cho Trần Thị T.

Cùng thời điểm trên khoảng 17 giờ cùng ngày Vũ Đăng K là lái xe chở hàng (ván bóc) thuê từ các huyện đến cửa khẩu quốc tế Thanh Th để xuất khẩu sang Trung Q. Do nảy sinh ý định đánh lô, đề nhằm kiếm lợi nhuận nên K lắp sim số thuê bao 0949994789 vào điện thoại di động Nokia (điện thoại K mượn của Lã Việt T từ khoảng đầu tháng 01/2021 để sử dụng) rồi soạn tin nhắn SMS với nội dung “Lô 51 = 2 triệu; Đề 51 = 1 triệu” và gửi đến số điện thoại 0947629257 của Trần Thị Bích N (đã biết từ trước). Sau khi nhận được tin nhắn N đã nhắn lại là “ok” nghĩa là đồng ý rồi N tiếp tục sao chép tin nhắn này chuyển tiếp cho Trần Thị T.

Cách tính thắng thua và trả thưởng đối với những người mua số lô, số đề được tính theo kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Cụ thể: Nếu người mua số đề có 02 số trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì sẽ thắng và được nhận số tiền theo tỷ lệ 1 được 70 (tức là người chơi mua 01 số đề bất kỳ với số tiền là 10.000 đồng, nếu trúng sẽ được 700.000 đồng). Nếu người mua trúng lô tức là số lô đã mua trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải nào trong bảng kết quả. Về tỷ lệ thắng thua được tính như sau: Cứ 01 điểm lô = 23.000đ, nếu thắng sẽ tính theo tỷ lệ là 23/80 (tức là đánh 23.000đ thắng sẽ được 80.000đ), nếu người chơi mua số lô tùy theo mệnh giá tiền thì quy định tỷ lệ thắng là 1 được 3,5 (tức là người chơi mua 01 số lô bất kỳ với số tiền 100.000đ nếu trúng sẽ được số tiền 350.000đ). Đối với lô xiên 04 số, nếu trúng (theo bảng kết quả xổ số miền bắc nếu có 02 số cuối của các giải trùng với 04 số người chơi đã mua) thì được nhận số tiền gấp 100 lần số tiền người chơi đã bỏ ra mua (tức là người chơi mua 04 số lô bất kỳ với số tiền 10.000đ nếu trúng sẽ được 1.000.000đ).

Căn cứ kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 30-01-2021, đối chiếu với những người đã mua số lô, số đề nêu trên thì có 02 người đã trúng. Cụ thể Ch mua số đề đầu 0 = 500.000đ, kết quả giải đặc biệt mở thưởng ngày 30-01-2021 là “71209” tức là Ch đánh trúng số 09 được số tiền gấp 70 lần thành 3.500.000đ (50.000 x 70 = 3.500.000đ); Ch mua số lô 16 = 10 điểm hết 230.000đ, đối chiếu với bảng kết quả xổ số thì giải 7 có số 16 tức là Ch thắng được 800.000đ. Tổng cộng ngày 30-01-2021 Ch thắng được 4.300.000đ; Mương Ngọc D mua số lô 40 với số tiền là 500.000, đối chiếu với kết quả xổ số miền bắc thì giải 7 có số 40, tức là D trúng lô và được tiền là 500.000đ x 3,5 = 1.750.000đ;

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận số tiền dùng để mua số lô, đề cụ thể là: Bị cáo Ch mua số lô, số đề 6.490.000đ + 4.300.000đ (tiền thắng) = 10.790.000đ (Mười triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng); Đối tượng D mua số lô, số đề 1.750.000đ + 1.750.000đ (tiền thắng) = 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);

K mua số lô, số đề là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng số bị cáo N bán số lô, số đề là 17.290.000đ (Mười bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngày 30-01-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Bích N tại thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Quá trình khám xét thu giữ được số tiền 16.680.000đ (Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Ngoài ra, không thu giữ thêm gì khác.

Ngày 01-02-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định số tiền 16.680.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền thật hay giả (BL số 80).

Tại Kết luận giám định số 91/KL-PC09 ngày 03-02-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh H kết luận số tiền 16.680.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền thật (BL số 82).

Vật chứng thu giữ gồm:

- Số tiền 16.680.000đ (Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền bị can Ch sử dụng để mua số lô, đề là 5.510.000đ (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng), số tiền khám xét thu giữ là 11.170.000đ (Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Vật chứng trên được niêm phong và chuyển sang kho bạc huyện V để quản lý).

- 01 điện thoại di động Iphone 8, màu vàng, bên trong có 01 sim điện thoại của Trần Thị Bích N;

- 01 tờ lịch được xé nham nhở một đầu, kích thước dài 19cm, rộng 7,5cm, mặt sau ghi nhiều chữ và các con số.

(Vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện V để quản lý).

Tại cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 02 tháng 07 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thị Bích N, Nùng Xuân Ch về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Thị Bích N và Nùng Xuân Ch vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 30-01-2021, tại thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Bị cáo N và bị cáo Ch đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “mua, bán số lô, số đề” với số tiền mua bán số lô, số đề là 10.790.000đ (Mười triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Ngoài ra N còn bán số lô, số đề cho Mương Ngọc D và Vũ Đăng K với số tiền là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền Ch mua số lô, số đề là 10.790.000đ (Mười triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số tiền N bán số lô, số đề là 17.290.000đ (Mười bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Các bị cáo N, Ch nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xét giảm nhẹ mức án để sớm hòa nhập với cộng đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Trần Thị Bích N, Nùng Xuân Ch phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích N số tiền từ: 30.000.000đ đến 32.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nùng Xuân Ch số tiền từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội:

01 điện thoại di động Iphone 8 plus, màu vàng gold, có số Imel 358 628 093 652 390, bên trong có 01 sim điện thoại, đều đã qua sử dụng. Không kiểm tra chất lượng tình trạng hoạt động của điện thoại.

Số tiền: 5.510.000đ (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H. (Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 tờ lịch được xé nham nhở một đầu, kích thước dài 19cm, rộng 7,5cm, mặt sau ghi nhiều chữ và các con số.

(Vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 8 plus; 01 tờ lịch. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-7-2021 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo và người có liên quan tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi mua, bán số lô, số đề: Bị cáo N phải nộp số tiền: 6.050.000đ (gồm: 4.300.000đ tiền phải trả Ch trúng giải cá cược + 1.750.000đ tiền phải trả D trúng giải cá cược); Bị cáo Ch phải nộp số tiền: 980.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề). D phải nộp 1.750.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề; K phải nộp 3.000.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề.

Trả lại số tiền 11.170.000đ (Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). cho của Phan Trung D, sinh năm 1983, trú tại số nhà: 361, Tổ 04, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh H. (Tiền vật chứng theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H)

Về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phần tranh luận:

Các bị cáo N, Ch nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo N, Ch đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực

hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp tạm giữ hình sự, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Trần Thị Bích N và Nùng Xuân Ch vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 30-01-2021, tại thôn Giang Nam, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Bị cáo N và bị cáo Ch đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “*mua, bán số lô, số đề*” với số tiền mua bán số lô, số đề là 10.790.000đ (*Mười triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Ngoài ra N còn bán số lô, số đề cho Mương Ngọc D và Vũ Đăng K với số tiền là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền Ch mua số lô, số đề là 10.790.000đ (*Mười triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền N bán số lô, số đề là 17.290.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau. Xét thấy các bị cáo N, Ch là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo N, Ch thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, bằng hình thức “*mua, bán số lô, số đề*” với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Thị Bích N và Nùng Xuân Ch phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo N, Ch đều chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ch là dân tộc thiểu số (*dân tộc Nùng*) sống ở vùng biên giới kinh tế đặc biệt khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Tính chất và mức độ hành vi phạm tội: Xét thấy các bị cáo N, Ch đã đánh bạc được thua bằng tiền, bằng hình thức ghi mua, bán số lô, số đề với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến trật tự công cộng gây ảnh hưởng tới an ninh trật tự trên địa bàn là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có vai trò đồng phạm giảm đơn, khi bị cáo N là người nhận ghi bán số lô, số đề được thua bằng tiền là người đứng đầu vụ án có mức án cao nhất. Bị cáo Ch là người tham gia ghi mua số lô, số đề được thua bằng tiền với vai trò đồng phạm trong vụ án đánh bạc. Xét thấy cần phải có mức án

phù với vai trò của từng bị cáo tham gia đánh bạc, để các bị cáo có thời gian rèn luyện, tu dưỡng bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

[6] Đối với các bị cáo N, Ch trong vụ án đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Do vậy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321.

[7] Về vật chứng:

[8] *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền, công cụ dùng vào việc phạm tội:*

[9] Số tiền: 5.510.000đ (*Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng*). Theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H. (Phiếu nhập kho TK: 9911 ngày 08-02-2021: Vật chứng đã được niêm phong theo quy định trong 01 phong bì, được đóng dấu giáp lai của cơ quan CSĐT – Công an huyện V tỉnh H và chữ ký của các thành phần theo quy định. Phong bì có kích thước 23cm x 16cm + Phong bì thứ nhất: Bên ngoài ghi: “ Tiền tang vật vụ đánh bạc ngày 30-01-2021 tại xã Thanh Thủy, huyện V”.

[10] Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo và người có liên quan tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi mua, bán số lô, số đề: Bị cáo N phải nộp số tiền: 6.050.000đ (gồm: 4.300.000đ tiền phải trả Ch trúng giải cá cược + 1.750.000đ tiền phải trả D trúng giải cá cược); Bị cáo Ch phải nộp số tiền: 980.000.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề). D phải nộp 1.750.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề; K phải nộp 3.000.000đ tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề.

[11] 01 điện thoại di động Iphone 8 plus, màu vàng gold, có số Imel 358 628 093 652 390, bên trong có 01 sim điện thoại, đều đã qua sử dụng. Không kiểm tra chất lượng tình trạng hoạt động của điện thoại.

[12] Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 tờ lịch được xé nham nhở một đầu, kích thước dài 19cm, rộng 7,5cm, mặt sau ghi nhiều chữ và các con số.

[13] (*Vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 8 plus; 01 tờ lịch. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-7-2021 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V*).

[14] Trả lại số tiền 11.170.000đ (*Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*). cho của Phan Trung D, sinh năm 1983, trú tại số nhà: 361, Tổ 04, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh H. (Tiền vật chứng theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H.) Vì số tiền 11.170.000đ (*Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) quá trình điều tra bị cáo N khai nhận số tiền này là của Phan Trung D, sinh năm 1983, trú tại tổ 04, phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh H gửi N giữ hộ không phải tiền N bán số lô, số đề.

[15] Theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12; Điều 14; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “Quy định mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Buộc bị cáo N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Ch được miễn án phí hình sự sơ thẩm

[17] Quyền kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Đối với Mương Ngọc D và Vũ Đăng K là người đã mua số lô, số đề của Trần Thị Bích N (*Dương mua 1.750.000 + 1.750.000 (thắng) = 3.500.000đ, Kiên mua 3.000.000đ*) có dấu hiệu của tội Đánh bạc nhưng do số tiền đánh bạc chưa đủ 5.000.000đ, chưa bị xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ban hành Quyết định số 181, 182 xử phạt vi phạm hành chính đối với Mương Ngọc D và Vũ Đăng K số tiền đối với mỗi người là 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) (BL 231 đến 233).

[19] Đối với Trần Thị T, sinh năm 1971, trú tại tổ 4, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh H là người mà bị can N đã khai sau khi nhận bán số lô, số đề cho Ch, D, K thì N đã nhắn tin SMS chuyển toàn bộ số lô, số đề cho T. Quá trình điều tra, T không thừa nhận đã mua bán số lô, số đề của N và không thừa nhận là chủ nhân của số thuê bao 0836.424.381. Ngày 18-02-2021, ngày 24-3-2021, ngày 06-4-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã có Công văn số 40, 45, 60 đề nghị Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam cung cấp thông tin chủ nhân thuê bao số 0836.424.381. Đến thời điểm hiện nay Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam chưa có văn bản trả lời cung cấp thông tin liên quan đến số thuê bao nêu trên. Do thời hạn điều tra giải quyết vụ án đã hết, với những tài liệu điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ để xử lý Trần Thị T về tội Đánh bạc. Cơ quan CSĐT Công an huyện V sẽ tiếp tục điều tra, xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[20] Đối với Đỗ Ngọc D, sinh năm 1975, trú tại tổ 4, thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình, tỉnh H và Lã Việt T, sinh năm 1985 đã cho K và D mượn điện thoại để sử dụng. Sau đó K, D đã sử dụng điện thoại này để nhắn tin mua số lô, số đề của N, Du và Th không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 165 đến 169).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố xử các bị cáo Trần Thị Bích N và Nùng Xuân Ch phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích N số tiền: 30.000.000đ. (*ba mươi triệu đồng*)

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nùng Xuân Ch số tiền: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*)

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

****Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội:***

Số tiền: 5.510.000đ (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng),

Theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H. (Phiếu nhập kho TK: 9911 ngày 08-02-2021: Vật chứng đã được niêm phong theo quy định trong 01 phong bì, được đóng dấu giáp lai của cơ quan CSĐT – Công an huyện V tỉnh H và chữ ký của các thành phần theo quy định. Phong bì có kích thước 23cm x 16cm + Phong bì thứ nhất: Bên ngoài ghi: “ Tiền tang vật vụ đánh bạc ngày 30-01-2021 tại xã Thanh Thủy, huyện V”).

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng gold, có số Imel 358 628 093 652 390, bên trong có 01 sim điện thoại, đều đã qua sử dụng. Không kiểm tra chất lượng tình trạng hoạt động của điện thoại.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 tờ lịch được xé nham nhở một đầu, kích thước dài 19cm, rộng 7,5cm, mặt sau ghi nhiều chữ và các con số.

(*Vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 8 plus; 01 tờ lịch. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-7-2021 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V*).

**Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của các bị cáo và người có liên quan tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi mua, bán số lô, số đề:*

Bị cáo Trần Thị Bích N phải nộp số tiền: 6.050.000đ (gồm: 4.300.000đ tiền phải trả Ch trúng giải cá cược + 1.750.000đ tiền phải trả D trúng giải cá cược);

Bị cáo Nùng Xuân Ch phải nộp số tiền: 980.000đ (tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề).

Mường Ngọc D phải nộp 1.750.000đ (tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề.)

Vũ Đặng K phải nộp 3.000.000đ (tiền còn nợ N khi ghi mua số lô, số đề.)

**Trả lại số tiền: 11.170.000đ (Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). cho của Phan Trung D, sinh năm 1983, số nhà: 361 trú tại tổ 04, phường Ng, thành phố H, tỉnh H. (Tiền vật chứng theo biên bản ngày 08-02-2021 giữa Kho bạc Nhà nước V và Công an huyện V tỉnh H.)*

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12; Điều 14; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” .

Buộc bị cáo N phải chịu: 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo Ch được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03-8-2021). Báo cho người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện V;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp H;
- Thi hành án huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Anh Luyện